

Số: 17/2019/QĐST-HNGĐ

C1, ngày 12 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1, TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Huỳnh Ngọc M** – sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Chị **Trần Tường V** - sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau từ năm 2009, nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 86/2014, quyền số 01/2013 ngày 25/11/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng anh M và chị V sống tại Tổ dân phố T, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian đầu vợ chồng anh, chị sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, nhưng đến đầu năm 2017 vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, từ cuối năm năm 2017 đến nay vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay anh M và chị V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng anh, chị.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V có 01 con chung là cháu Huỳnh Trần Ngọc M - sinh ngày 28/01/2010, hiện nay chị V đang nuôi dưỡng; vợ chồng anh M và chị V thỏa thuận như sau: Chị Trần Tường V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Trần Ngọc M; anh Huỳnh Ngọc M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu Huỳnh Trần Ngọc M đủ 18 tuổi, nên áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của vợ chồng anh, chị.

[3] *Về tài sản chung*: Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] *Về lệ phí*: Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật;

- *Về các vấn đề khác*: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Trần Tường V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Trần Ngọc M - sinh ngày 28/01/2010; anh Huỳnh Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu Huỳnh Trần Ngọc M đủ 18 tuổi.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung*: Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2]. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Huỳnh Ngọc M nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con định kỳ; chị Trần Tường V nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000243 ngày 22/01/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Anh Huỳnh Ngọc M và chị Trần Tường V đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quy định:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải thi hành án cho người được thi hành án) mà chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP C;
- Chi cục THADS TP C1;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

TRƯƠNG VĂN VƯƠNG